

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2019/HNGĐ-ST**.

Ngày: 11/6/2019.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Tám.

2. Bà Tăng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05/4/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXX- ST ngày 23 tháng 05 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Nhung N

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Bà Võ Thị Mộng T

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Nhung N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị Mộng T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện ngày 29/12/2016 và không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông và bà T sống rất hạnh phúc, đến tháng 07/2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông bà sống với nhau không hợp, thường xuyên cãi vã qua lại, nên sống chung không có hạnh phúc và kể từ tháng 7/2018 ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên cũng như ông bà có gặp nhau bàn bạc nhưng không đạt kết quả. Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố ông và bà T không phải là vợ chồng.

- Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2019, bị đơn bà Võ Thị Mộng T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Nhung N về thời gian chung sống, thủ tục kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã qua lại. Nay bà đồng ý theo các yêu cầu của ông N.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Mộng T là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhung N và bà Võ Thị Mộng T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện ngày 29/12/2016 âl, ông bà không đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc, nên ông N yêu cầu Tòa án tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng, bà T cũng đồng ý. **Xét thấy**, Ông Nguyễn Nhung N và bà Võ Thị Mộng T sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, sau khi sống chung với nhau ông bà không hạnh phúc, nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Nhung N và bà Võ Thị Mộng T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị định án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Nhung N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Nhung N và bà Võ Thị Mộng T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Nhung N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008454, ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà Võ Thị Mộng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Võ Thị Mộng T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng